TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2023
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng.
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Ước, kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn DN, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TC 2, xã ĐK, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và Anh H có được tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ 10/2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc, không ai quan tâm ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn Anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 09/7/2012, hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn,

do chị không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên chị đề nghị giao con chung cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tống đạt văn bản hợp lệ nhưng Anh Nguyễn Thanh H không có bản khai trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Minh V trình bày: Cháu là con của bố H và mẹ M, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố là Nguyễn Thanh H.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2023, ông Nguyễn Thanh S (bố đẻ của Anh H) khai như sau: Vào năm 2010 gia đình chúng tôi có tổ chức lễ cưới cho Anh H và Chị M theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh H và chị M sống cùng nhà với vợ chồng tôi nhưng ăn riêng. Quá trình chung sống, anh H và chị M thường xuyên xảy ra cãi vã do vợ chồng bất đồng quan điểm, không ai nhường nhịn ai, chị M cũng đã làm đơn ly hôn gửi tại Tòa án 01 lần nhưng được hòa giải nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về chung sống thì anh chị vẫn tiếp tục mâu thuẫn, trầm trọng nhất là vào khoảng tháng 10/2021 và vợ chồng anh chị cũng ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Khi Tòa án tống đạt các văn bản thì ông đã giao lại cho Anh H, quan điểm của anh H là đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được nuôi cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ. Về điều kiện nuôi con thì hiện nay anh H làm công việc khai thác gỗ, thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng; vợ chồng ông sẽ vẫn tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ở cho bố con anh H cũng như phụ giúp thêm việc chăm nom cháu V.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Thanh H. Về việc nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị M xin ly hôn, yêu cầu giải quyết

việc nuôi con với Anh H; Anh H có nơi cư trú tại huyện Yên Thế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M và anh H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị M, lời khai của ông S là bố đẻ anh H, có đủ căn cứ khẳng định: Chị M và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trái ngược nhau về tính cách. Dù được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không ai quan tâm ai. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Mâu thuẫn giữa chị M và anh H là trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Qua lời khai của Chị M và ông S - bố đẻ anh H thì chị M và anh H đều có nguyện vọng giao cho cháu V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V có nguyện vọng được ở với bố. Hội đồng xét xử nhận định: Hiện cháu V đang ở với anh H, cháu sinh hoạt và học tập bình thường, anh H có thu nhập hàng tháng trên 10.000.000 đồng, có điều kiện ổn định về chỗ ở lại được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm nom cháu V nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị M, anh H và cháu V; phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị M: Xử cho Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

3. Về việc nuôi con: Giao cho Anh Nguyễn Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 09/7/2012. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0008961 ngày 18/11/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã ĐT, huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang